

DANH MỤC VẬT TƯ CHÀO GIÁ

| STT | Tên hàng | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (vnd/đvt) | Thành tiền (vnd) | Xuất xứ | Ngày bàn giao dự kiến | Địa điểm bàn giao |
|-----|--|-------------|----------|-------------------|------------------|------------|-----------------------|---------------------|
| 1 | Co 90°, 18" SR x Sch.XS, A105 | Cái | 4 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 2 | Co 90°, 2" LR x Sch.XS, A105 | Cái | 2 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 3 | Co 90° 24" SR x Sch.XS, A105 | Cái | 2 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 4 | Co 45°, 1.1/4" x Sch.10 A234 WPB | Cái | 20 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 5 | Co 180°, 1.1/4" x Sch.10 LRA234 WPB | Cái | 20 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 6 | Co 90° 1.1/4" x Sch.40 LRA234 WPB | Cái | 36 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 7 | Mặt bích 6" SO RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 6 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 8 | Mặt bích 4" SO RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 2 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 9 | Mặt bích 3" SO RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 2 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 10 | Mặt bích 18" SO RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 4 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 11 | Mặt bích 24" SO RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 2 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 12 | Mặt bích 26" WN RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 2 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 13 | Mặt bích 16" SO RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 2 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 14 | Mặt bích 12" SO RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 2 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 15 | Mặt bích 2" SO RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 4 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 16 | Mặt bích 2" WN RF x Sch.XS x150# A105 | Cái | 7 | | | Trung Quốc | 20/11/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 17 | Thép ống 2" x Sch.XSA106 GR.B (Thép ống 60,3x5,54) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 18 | Thép ống 3" x Sch.XSA106 GR.B (Thép ống 88,9x7,62) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 19 | Thép ống 6" x Sch.XSA106 GR.B (Thép ống 168,3x11) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 20 | Thép ống 10" Sch XSA106 GR.B (Thép ống 273x12,7) | M | 36 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 21 | Thép ống 12" x Sch.XSA106 GR.B (Thép ống 323,9x12,7) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |

| | | | | | | | | |
|----------------------------------|--|---|-----|--|--|------------|---------------|---------------------|
| 22 | Thép ống 16" x Sch.XSA106 GR.B (Thép ống 406x12,7) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 23 | Thép ống 18" x Sch.XSA106 GR.B (Thép ống 457x13,5) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 24 | Thép ống 24" x Sch.XSA106 GR.B (Thép ống 609,6 x 17) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 25 | Thép ống ø42.16 x t2.77 A106 GR.B (Thép ống 42,2x3,56) | M | 384 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 26 | Thép ống ø60.3 x t3.91A106 GR.B (Thép ống 60,3x3,91) | M | 114 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 27 | Thép ống ø33.40 x t2.77 A106 GR.B (Thép ống 33,4x3,38) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Nghi Sơn, Thanh Hóa |
| 28 | Thép ống 1.1/2" x Sch.80A106 GR.B (Thép ống 48x5,08) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| 29 | Thép ống 2" x Sch.80A106 GR.B (Thép ống 60,3x5,54) | M | 6 | | | Trung Quốc | 28-31/10/2023 | Phú Mỹ, Vũng Tàu |
| Tổng cộng trước Thuế GTGT | | | | | | | | |